

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI**  
(Từ ngày 01 đến 28/02/2025)

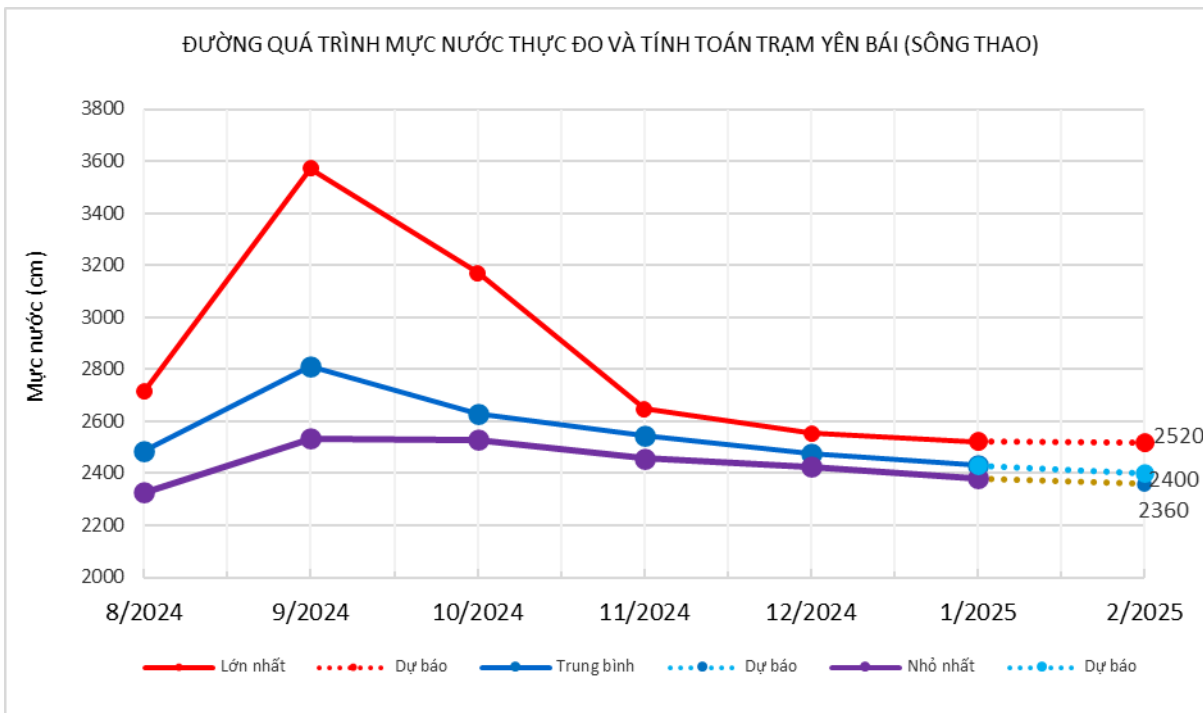
**1. Khu vực Miền núi phía Bắc**

**a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

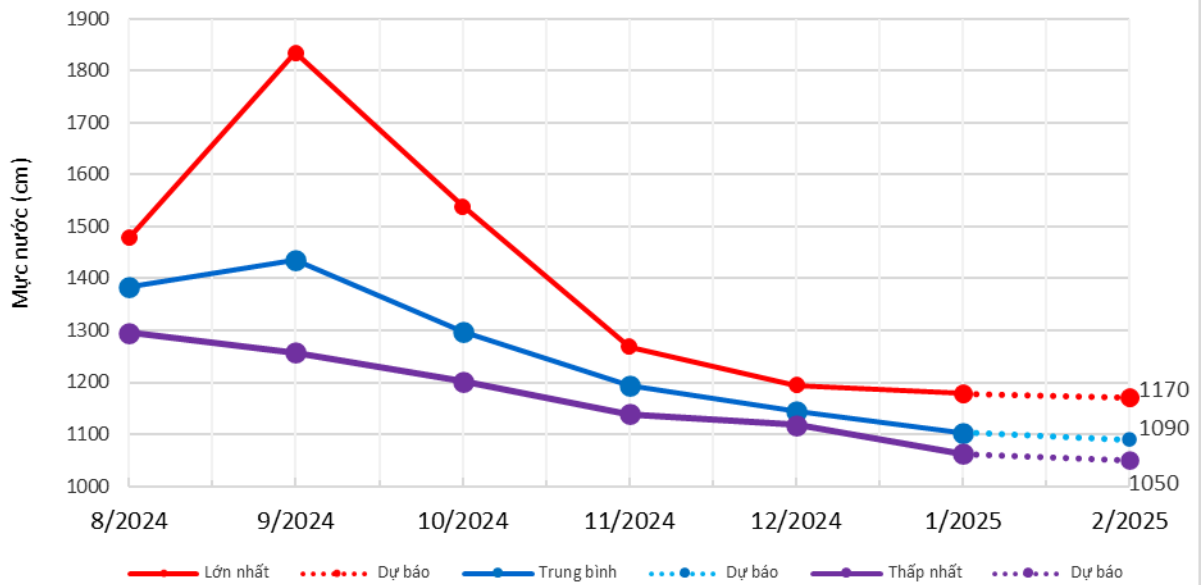
Trong tháng 1, mực nước trên sông Thao biến đổi chậm. Mực nước trên sông Lô biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên, các hồ Tuyên Quang và Thác Bà đã tăng cường phát điện phục vụ đồ ải đông xuân đợt 1 (từ ngày 12-16/1) nên mực nước hạ lưu sông Lô đã lên với biên độ 1,5-2,6m.

**b. Dự báo, cảnh báo**

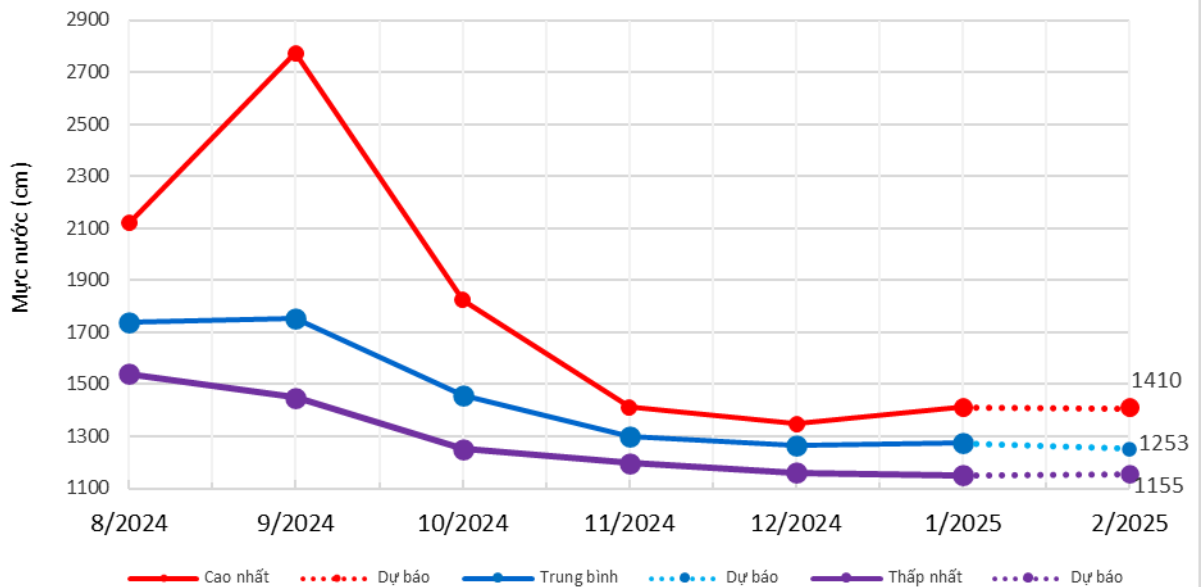
Trong tháng 2, mực nước trên sông Thao tiếp tục biến đổi chậm. Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên. Từ ngày 8-14/2, các hồ Tuyên Quang và Thác Bà sẽ tăng cường phát điện phục vụ đồ ải đông xuân đợt 2, nên mực nước hạ lưu sông Lô sẽ lên.

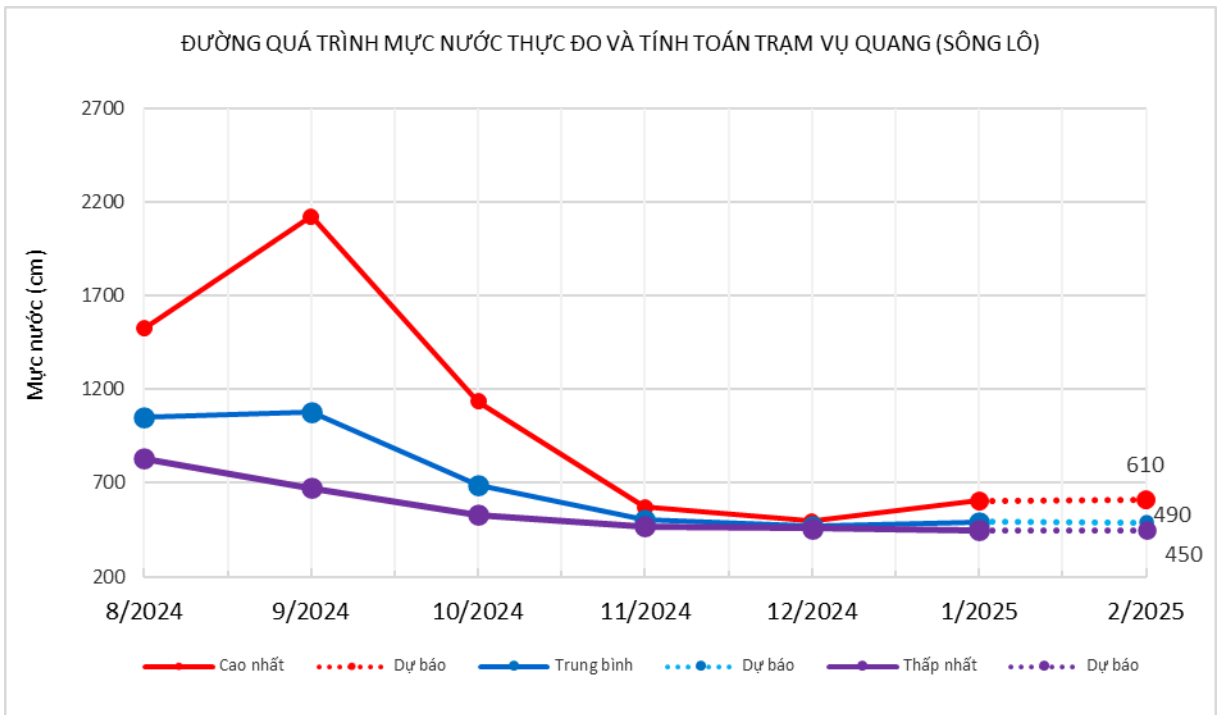


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)





## 2. Khu vực Đồng Bằng và Trung du Bắc Bộ

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 1, dòng chảy đến hồ Hòa Bình trên sông Đà dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La theo xu thế giảm.

Mức nước trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm, khu vực hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Riêng giai đoạn từ 12-16/01 mức nước hạ lưu sông Hồng tăng do các hồ thủy điện tăng cường phát điện phục vụ đồ ải Đông Xuân năm 2024-2025 lấy nước đợt 1.

Mức nước sông Hoàng Long tại Bến Đé biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

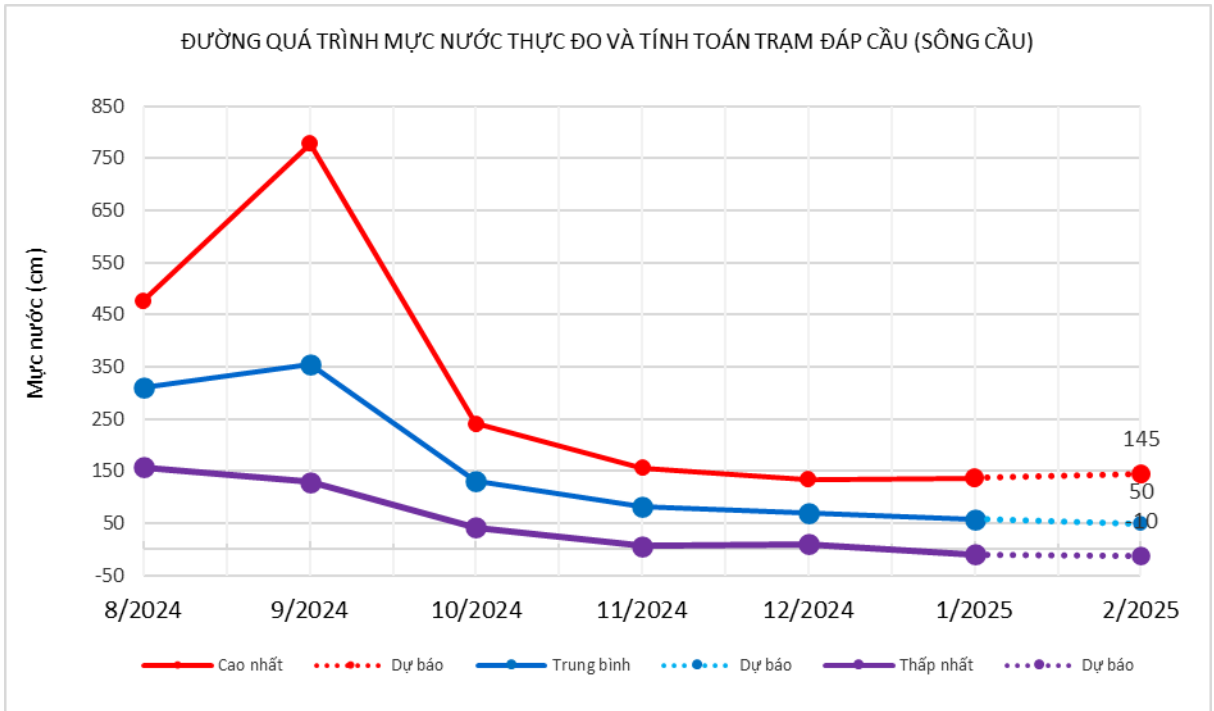
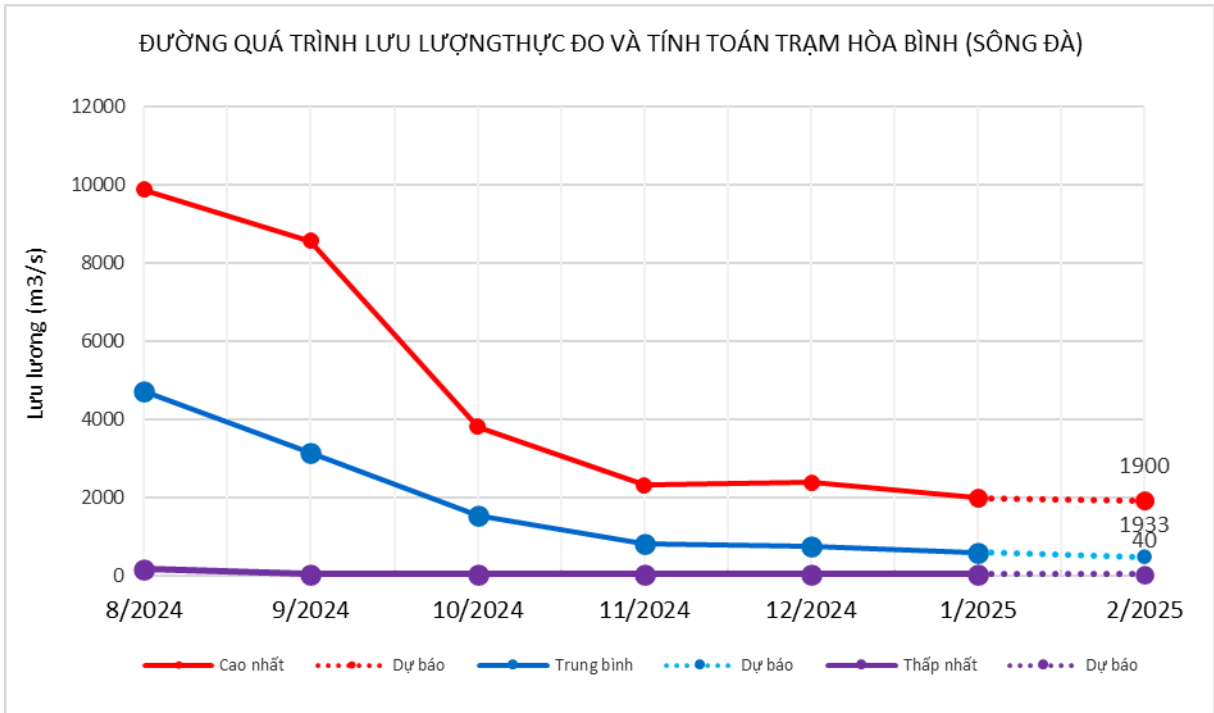
### b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 2, Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La theo xu thế giảm chậm.

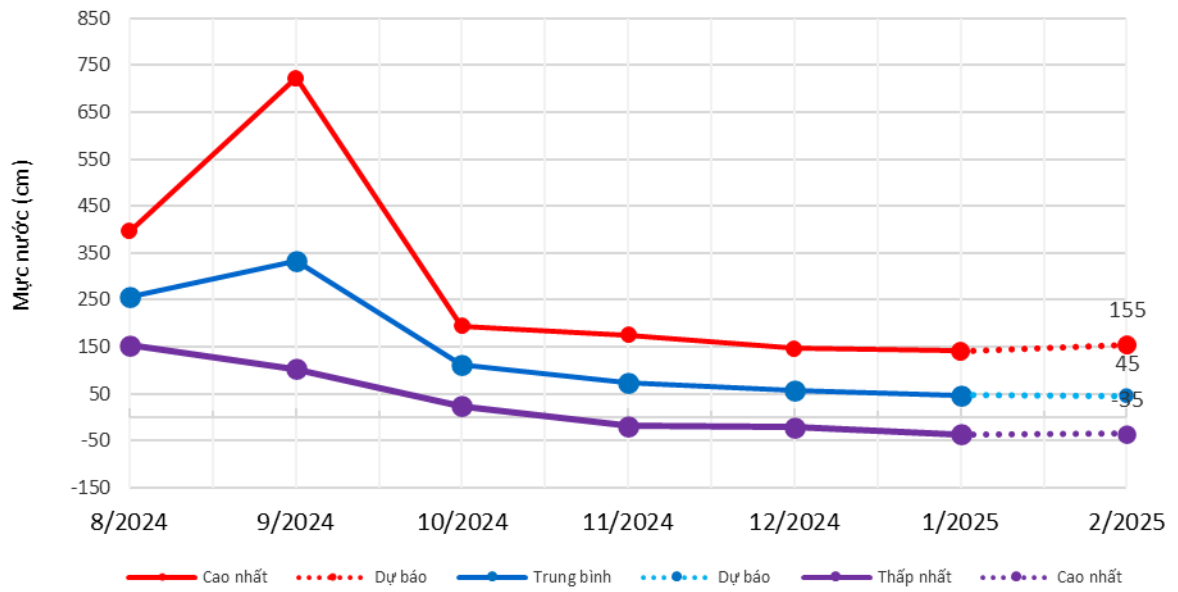
Mức nước trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm, khu vực hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Mức nước hạ lưu sông Hồng dự báo sẽ biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Riêng giai đoạn từ 8/2-14/2 mức nước hạ lưu sông Hồng sẽ tăng do các hồ thủy điện tăng cường phát điện phục vụ đồ ải lấy nước đợt 2.

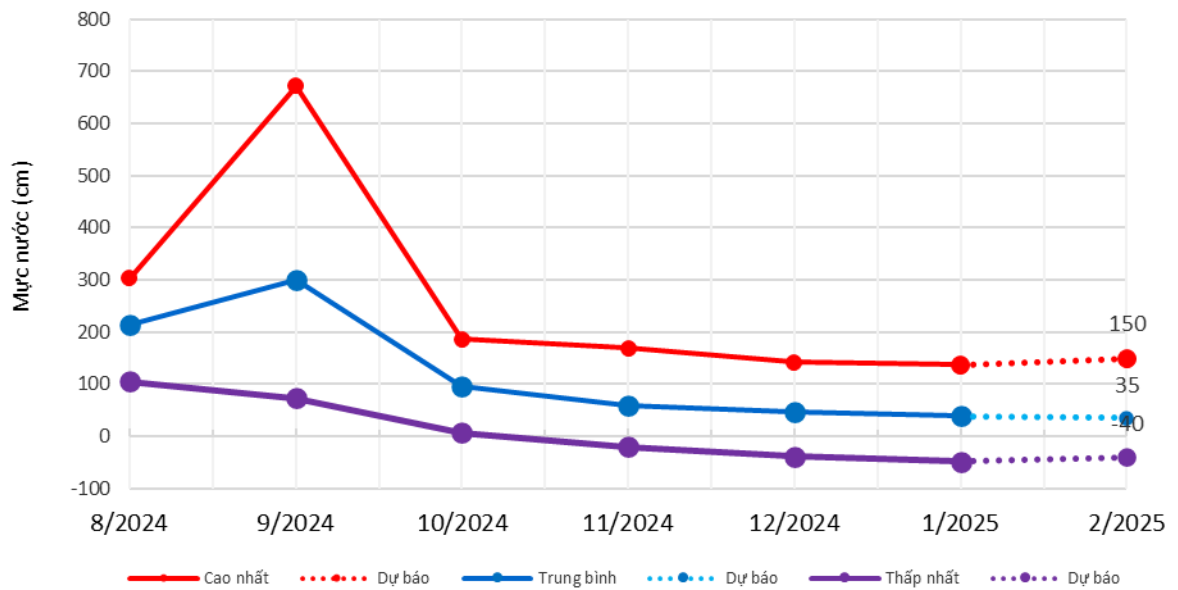
Mực nước sông Hoàng Long tại Bến Đê sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.



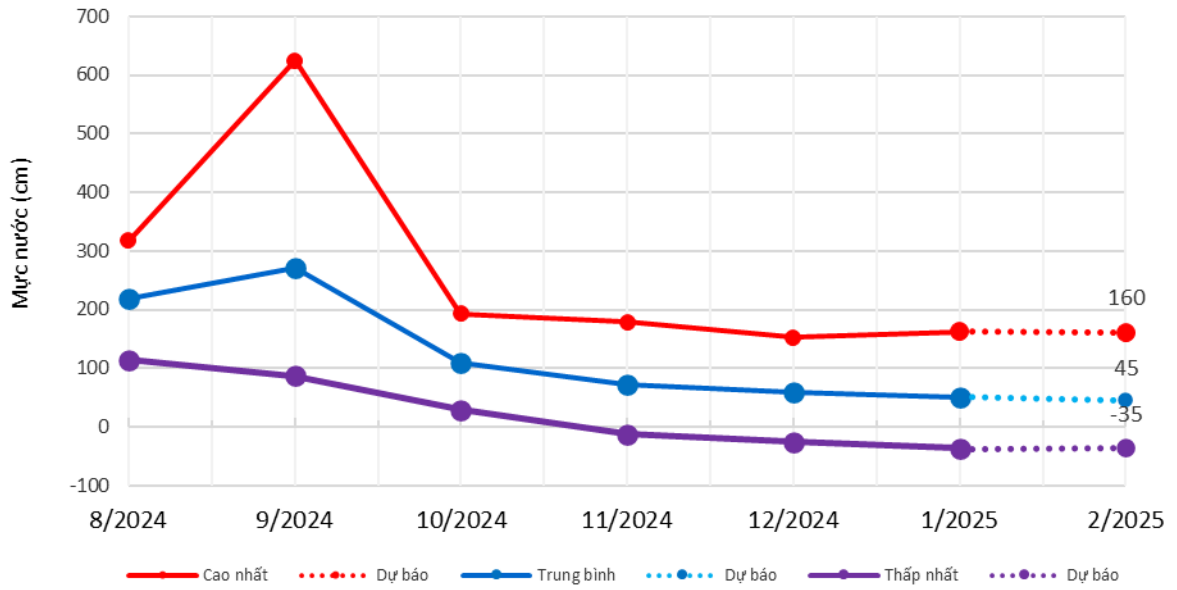
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHỦ LẠNG THƯƠNG (SÔNG THƯƠNG)



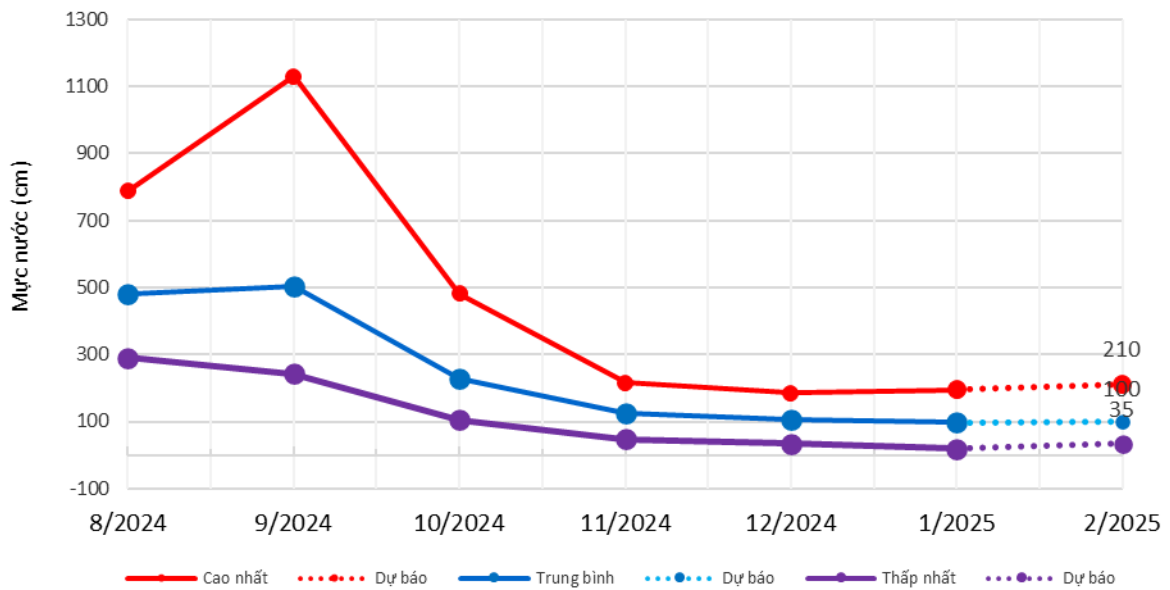
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LỤC NAM (SÔNG LỤC NAM)

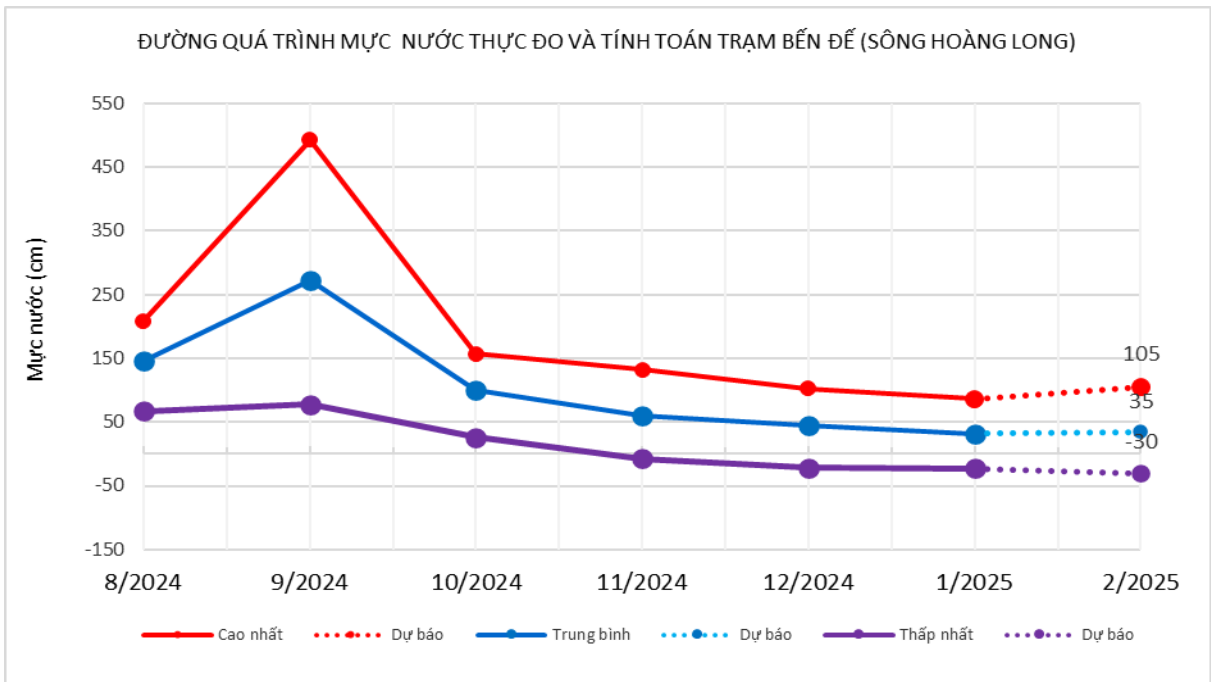


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHẢ LẠI (SÔNG THÁI BÌNH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)





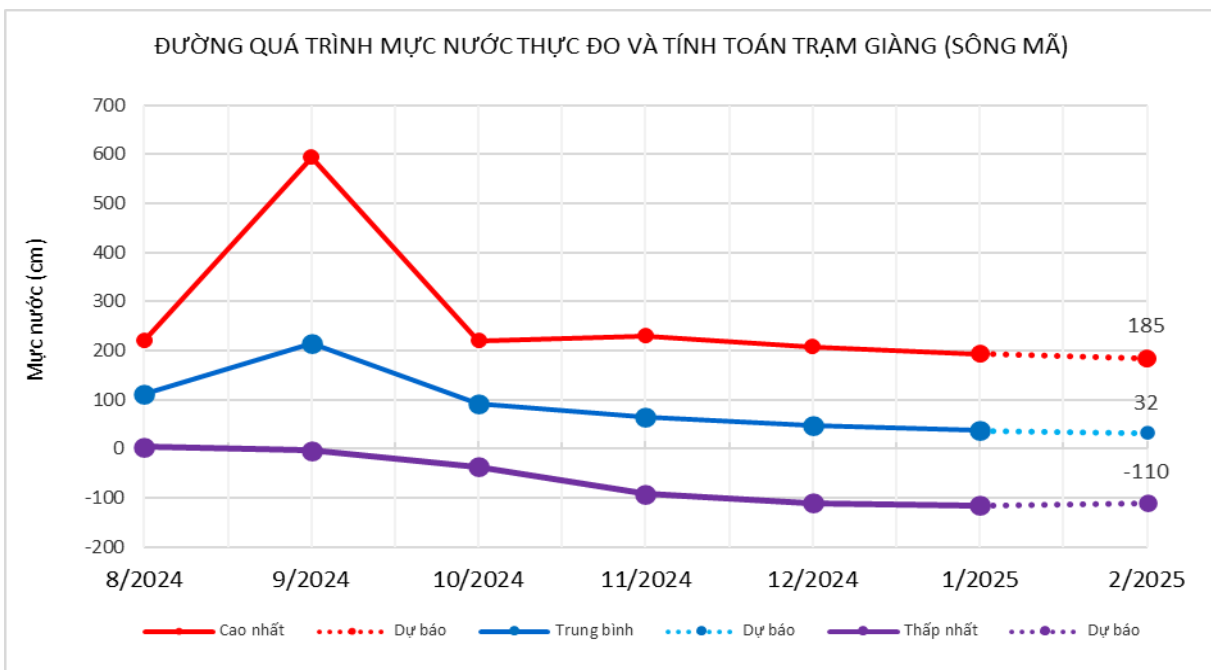
### 3. Khu vực Bắc Trung Bộ

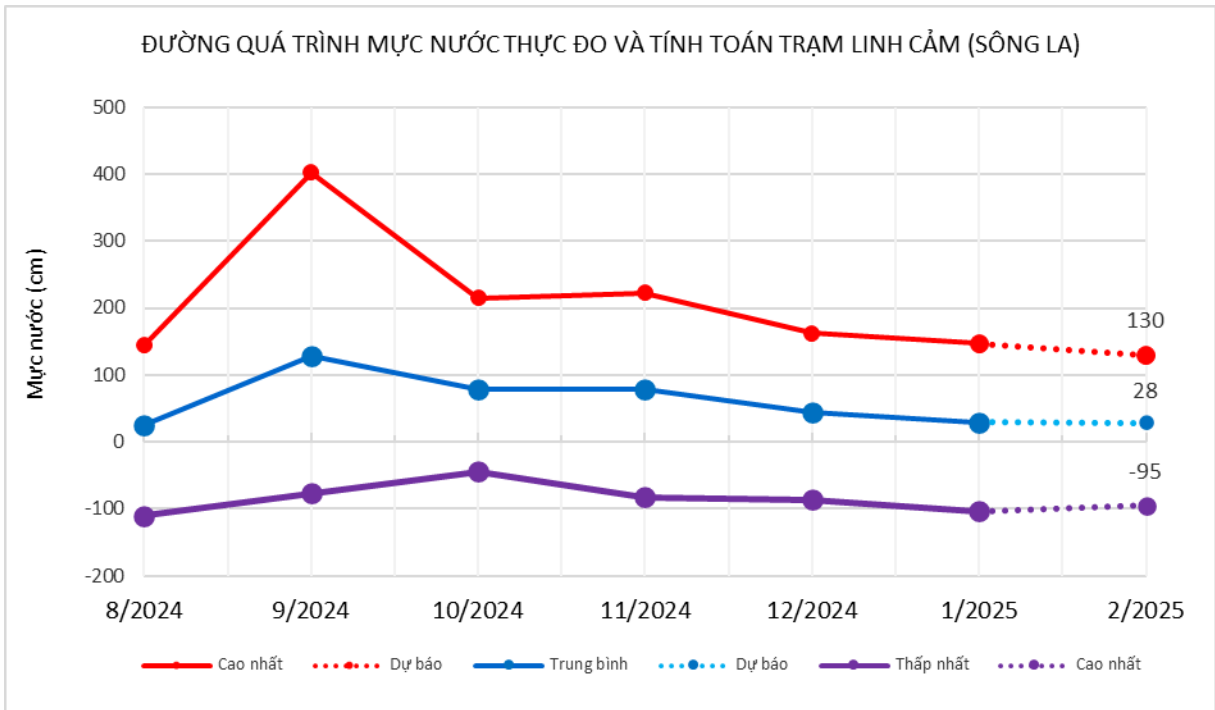
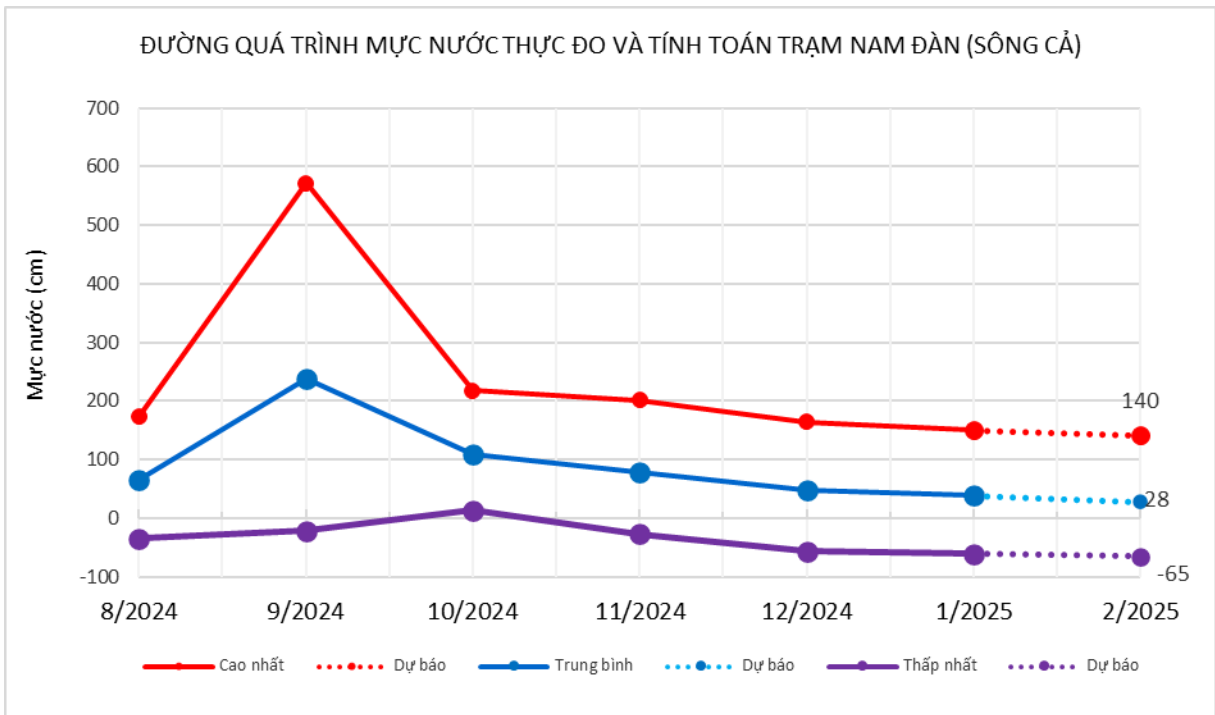
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng nguồn các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm so với tháng trước.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng nguồn các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tháng trước.





#### 4. Khu vực Trung Trung Bộ

##### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

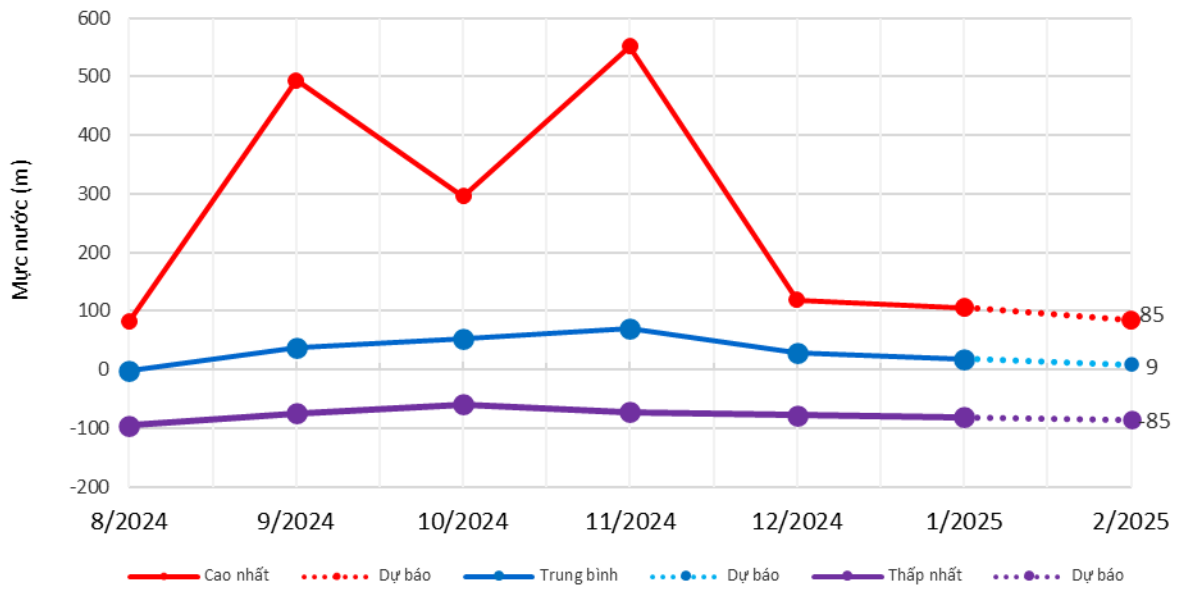
Mức nước trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi trong tháng 01 biến đổi chậm.

##### b. Dự báo, cảnh báo

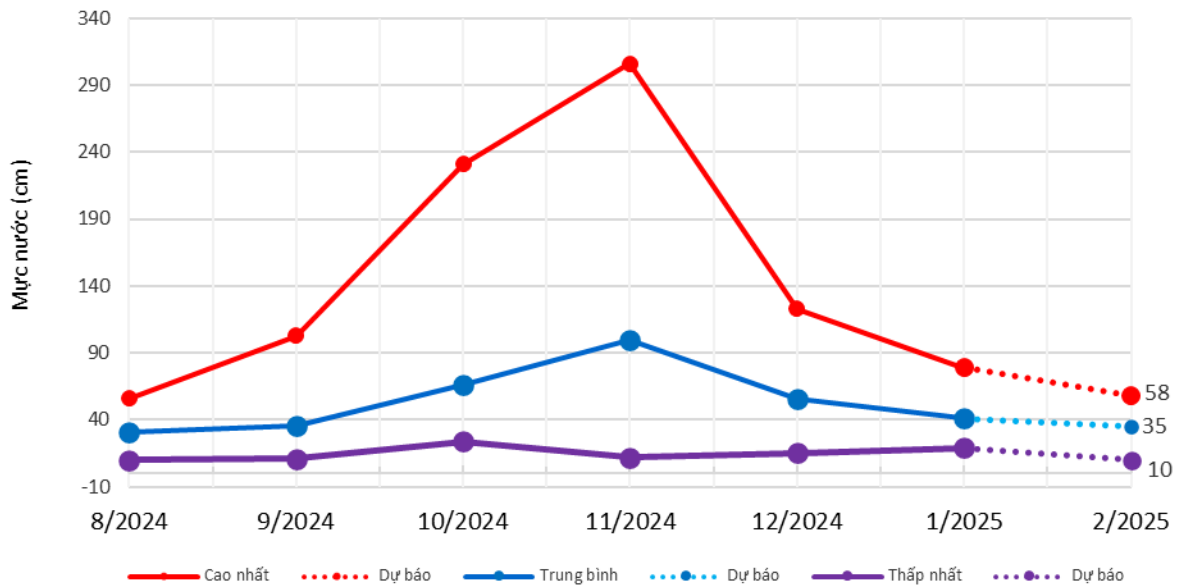
Mức nước trên các sông trong khu vực trong tháng 02 tiếp tục biến đổi chậm và theo xu thế xuống dần.

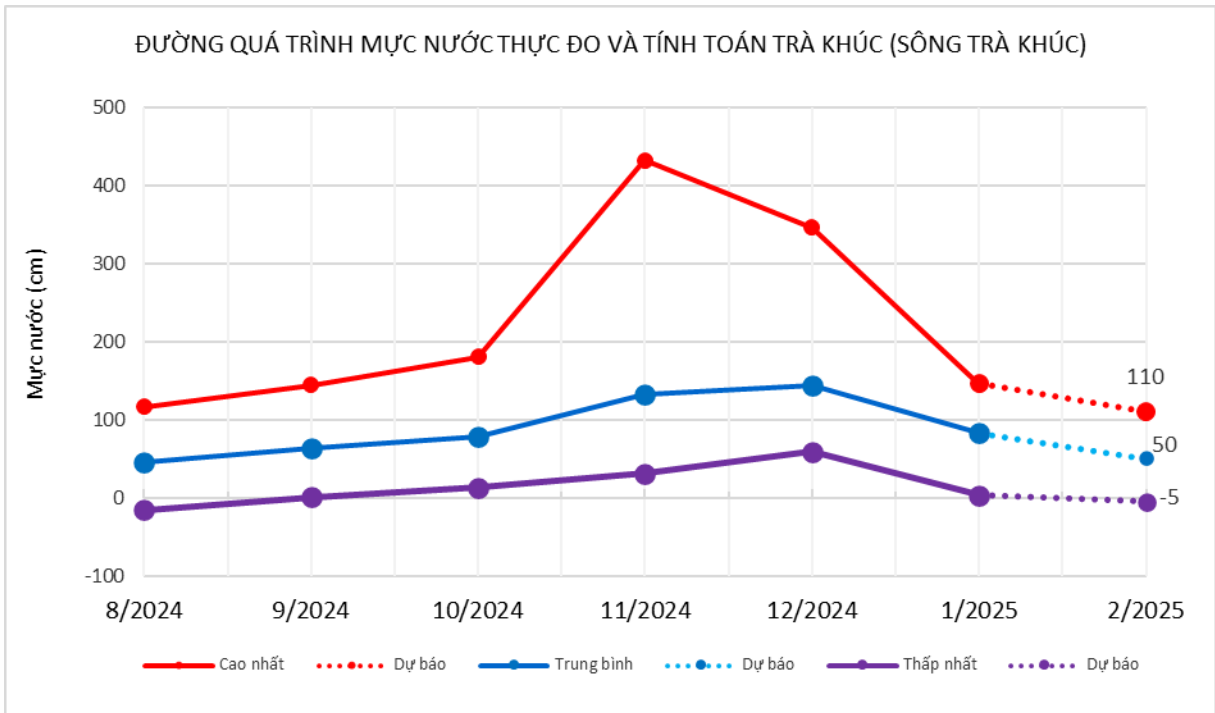
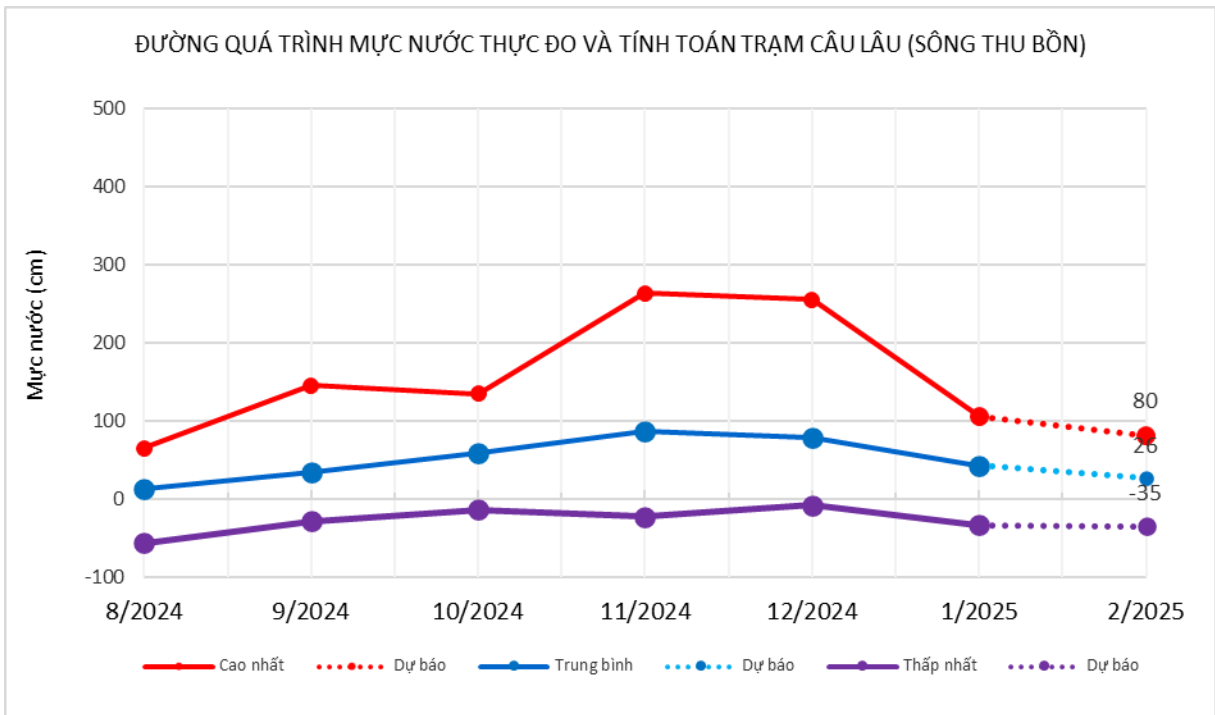


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)





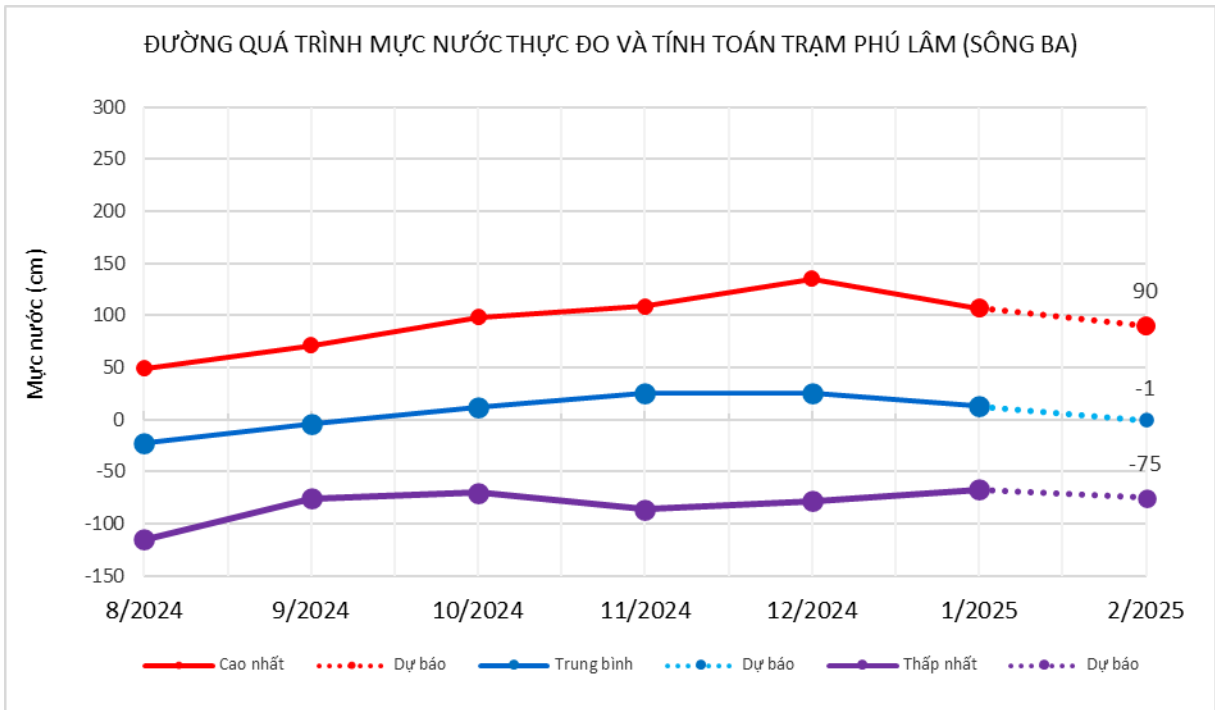
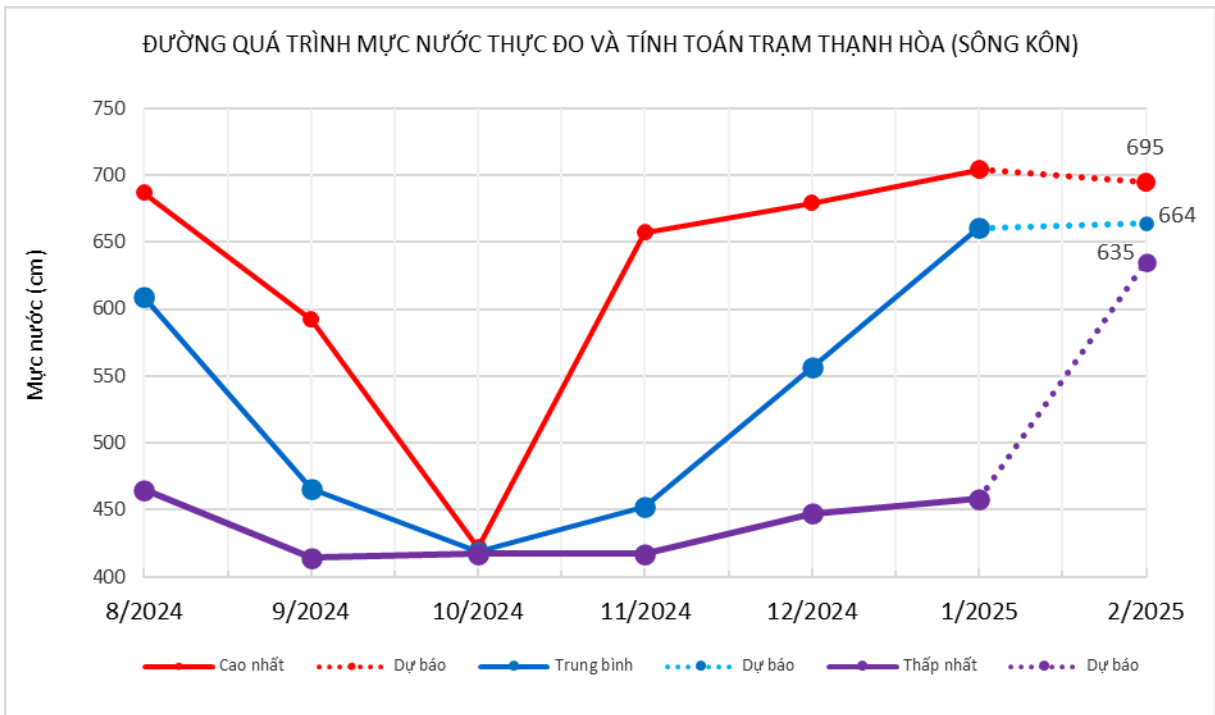
## 5. Khu vực Nam Trung Bộ

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Mức nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Mức nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



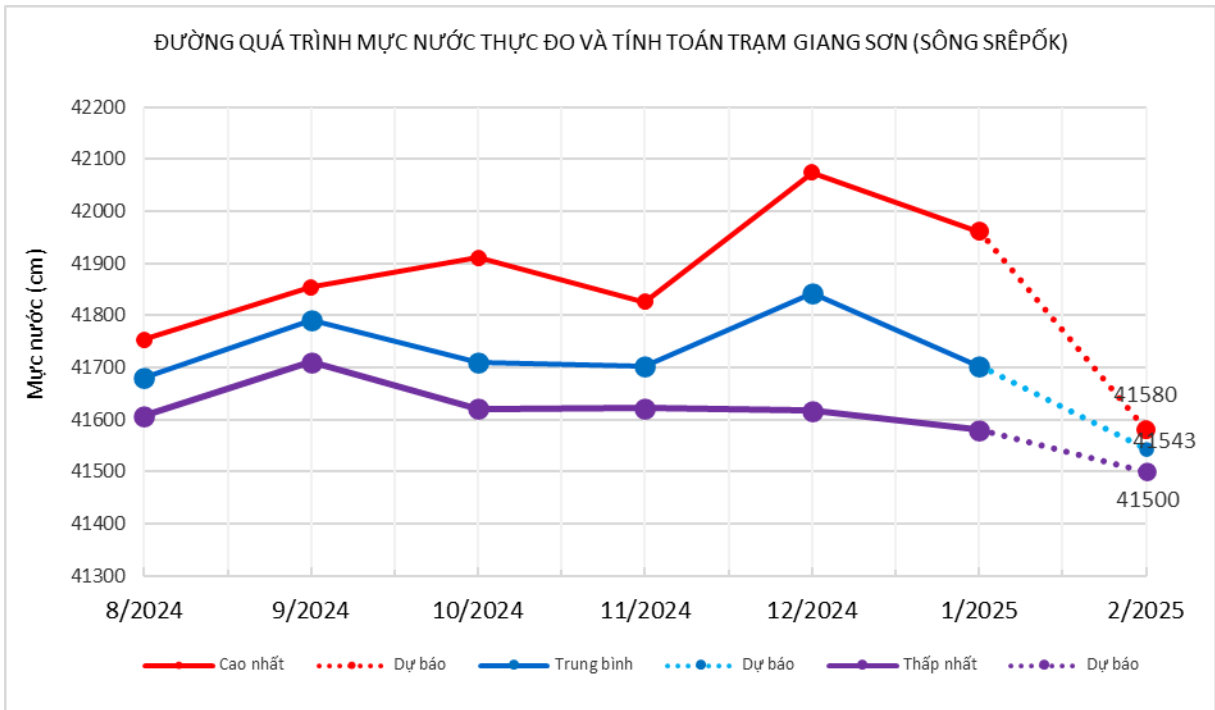
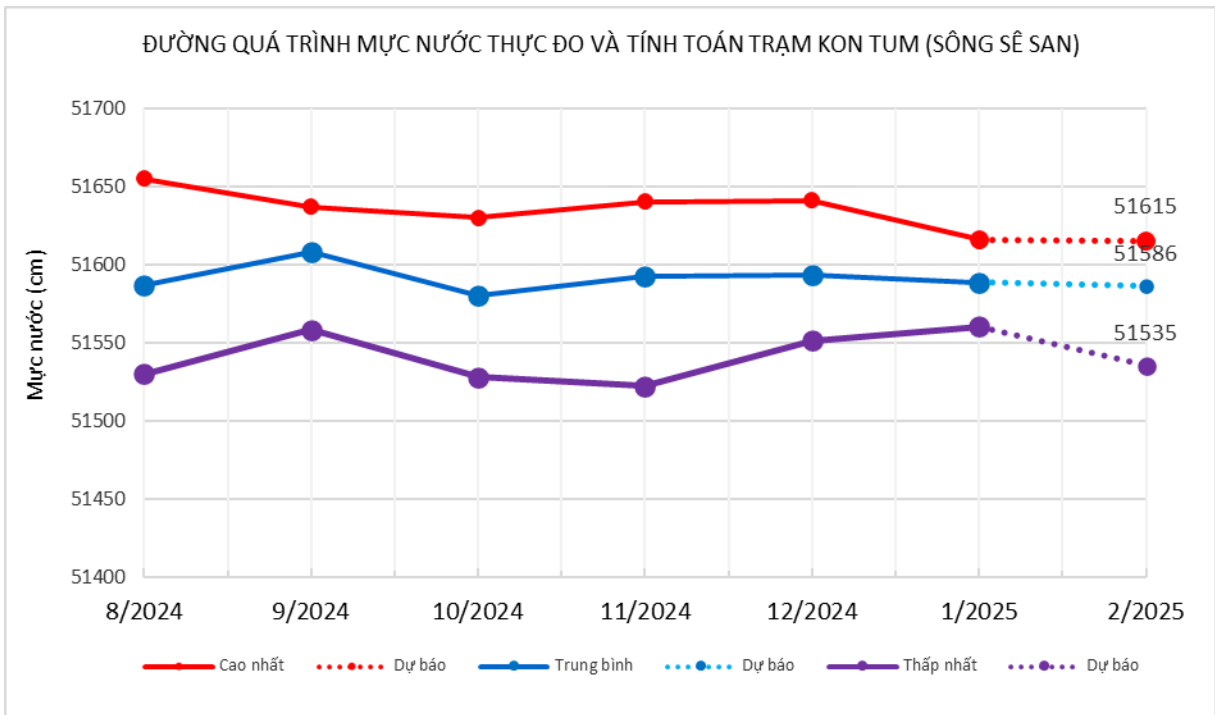
## 6. Khu vực Tây Nguyên

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi, mức nước trên sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi theo xu thế xuống dần

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi theo xu thế xuống dần. Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.



## 7. Khu vực Nam Bộ

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

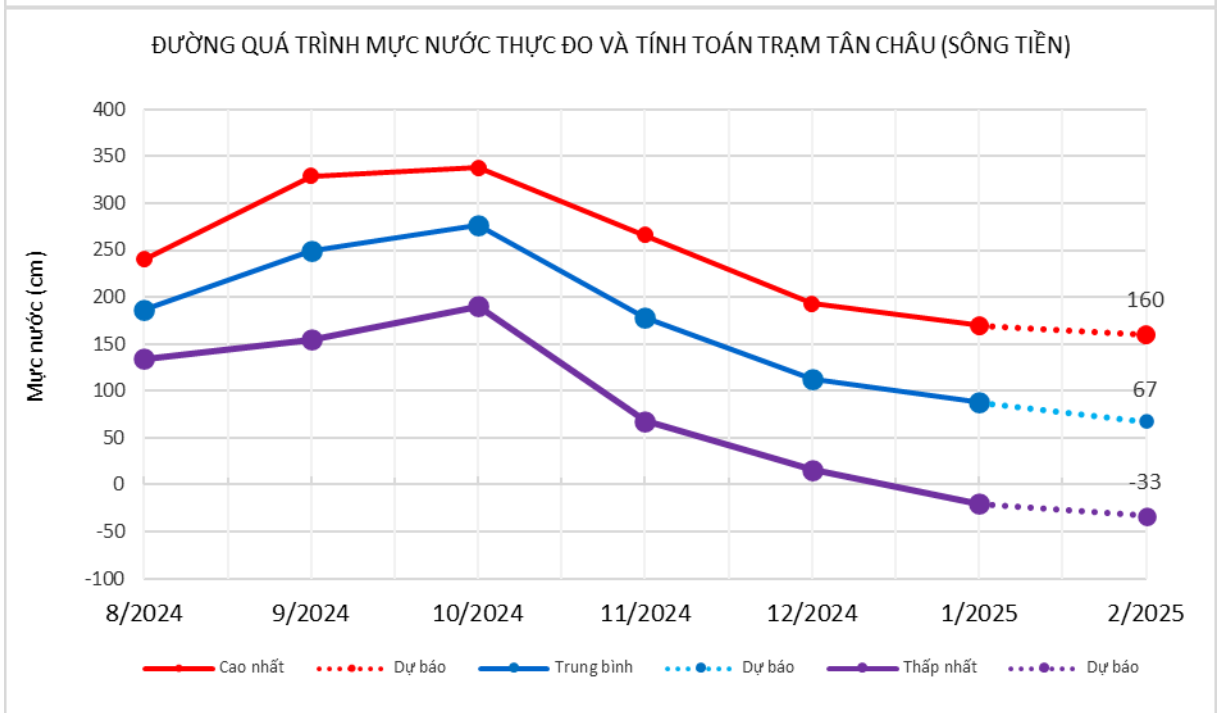
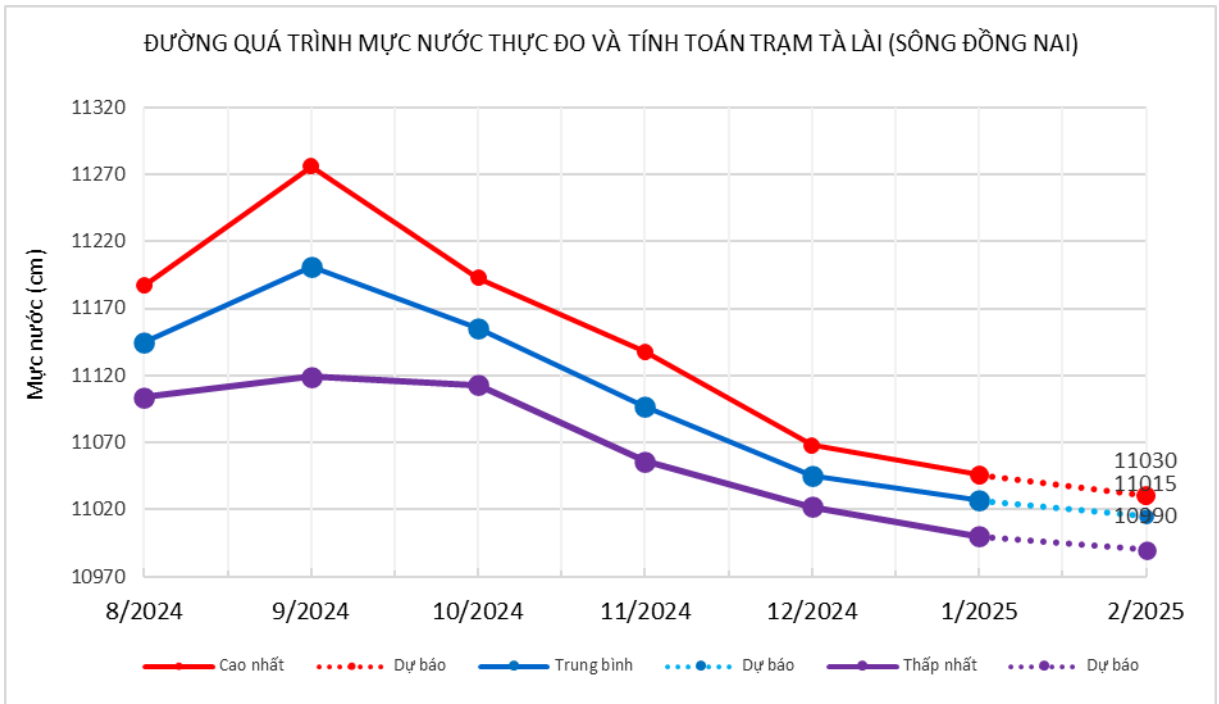
Mức nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm.

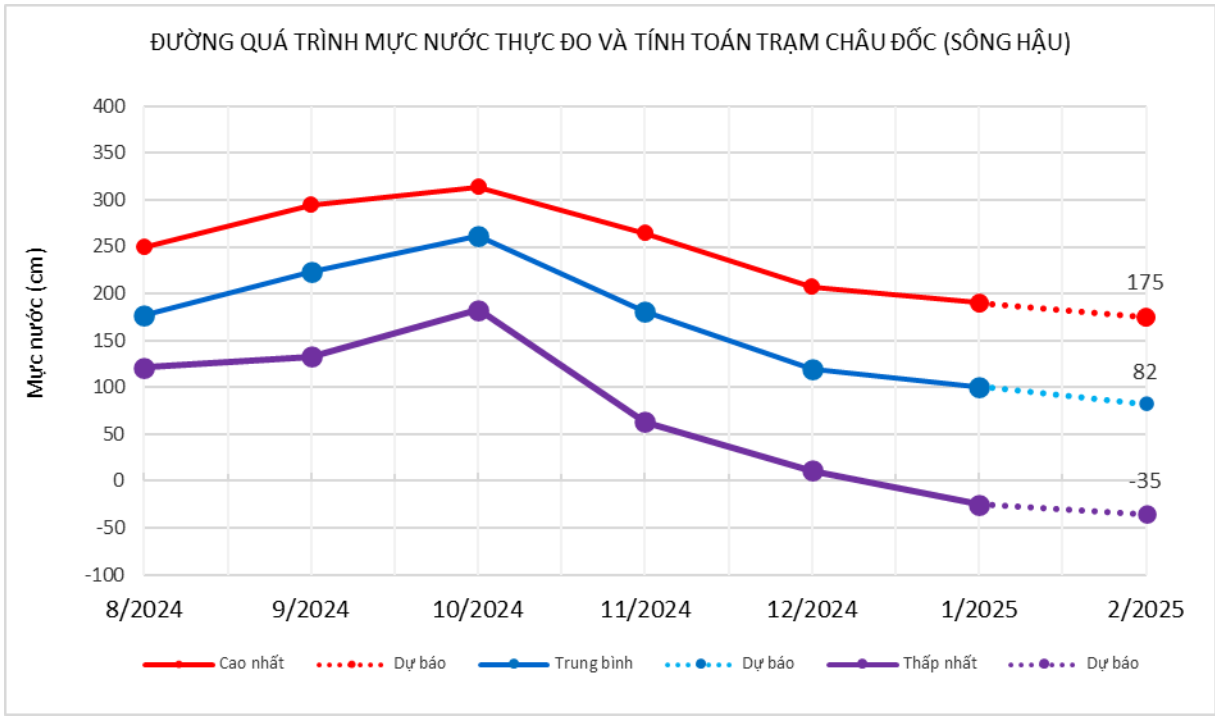
Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Mức nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại Tân Châu 1,70m (ngày 16/01), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,90m (ngày 13/01).

### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Đồng Nai tại Tà Lài biến đổi chậm.

Mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều, mức nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại Tân Châu 1,60m, trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,75m.





**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h ngày 1/03/2025**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin**

**Phùng Tiến Dũng**

**Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính**

*Đơn vị: cm*

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			08 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	564	1992	40	490	1900	40	490	1800	40	460	1800	40	480	1900	40
Thao	Yên Bái	2429	2521	2380	2390	2470	2360	2400	2500	2380	2410	2520	2390	2400	2520	2360
Thao	Phú Thọ	1105	1178	1062	1070	1150	1050	1090	1160	1060	1110	1170	1070	1090	1170	1050
Lô	Tuyên Quang	1274	1413	1151	1270	1410	1160	1260	1410	1160	1230	1300	1155	1253	1410	1155
Lô	Vụ Quang	500	606	450	500	610	450	510	610	455	460	490	450	490	610	450
Cầu	Đáp Cầu	57	137	-9	55	135	5	55	145	-5	40	125	-10	50	145	-10
Thương	Phủ Lạng Thương	42	141	-36	40	140	-25	50	155	-35	40	135	-35	45	155	-35
Lục Nam	Lục Nam	34	138	-48	35	140	-35	45	150	-35	35	130	-40	35	150	-40
Hồng	Hà Nội	100	194	18	115	195	40	105	210	100	80	150	35	100	210	35
Hoàng Long	Bến Đé	30	86	-23	40	80	-15	35	105	-20	30	90	-30	35	105	-30
Thái Bình	Phả Lại	49	162	-36	45	150	-35	50	160	-30	40	140	-35	45	160	-35
Mã	Giàng	38	193	-116	32	165	-100	35	185	-105	30	165	-110	32	185	-110
Cả	Nam Đàn	38	150	-61	29	115	-60	30	140	-65	25	125	-65	28	140	-65
La	Linh cảm	30	147	-104	27	120	-90	30	130	-95	26	120	-90	28	130	-95
Giang	Mai Hóa	17	106	-81	11	85	-80	9	84	-82	7	80	-85	9	85	-85
Hương	Kim Long	41	79	19	37	58	20	35	55	20	33	52	10	35	58	10

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			08 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Thu Bồn	Câu Lâu	43	106	-34	30	80	-30	27	70	-32	20	75	-35	26	80	-35
Trà Khúc	Trà Khúc	83	146	3	53	110	2	50	100	5	48	95	-5	50	110	-5
Kôn	Thanh Hòa	661	704	458	666	695	640	660	690	635	665	695	635	664	695	635
Đà Nẵng	Phú Lâm	13	107	-67	4	85	-70	-2	88	-68	-5	90	-75	-1	90	-75
Đăkbla	Kon Tum	5158 9	51616	51560	51590	51615	51565	51585	51610	51550	51584	51605	51535	51586	51615	51535
Krông Ana	Giang Sơn	4170 3	41962	41580	41568	41580	41550	41545	41565	41525	41515	41530	41500	41543	41580	41500
Đồng Nai	Tà Lài	1102 7	11046	11000	11015	11030	11000	11015	11025	11000	11015	11022	10990	11015	11030	10990
Tiền	Tân Châu	89	170	-20	73	150	-30	68	155	-31	60	160	-33	67	160	-33
Hậu	Châu Đốc	102	190	-25	88	169	-33	82	170	-34	75	175	-35	82	175	-35